

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 18-11-2022

V/v: Ly hôn giữa anh Ph và chị T

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Văn Hợp
2. Ông Nguyễn Duy Khương

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 18 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 474/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2022, về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2022/QĐXX-ST ngày 08 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Đoàn Hoàng Ph, sinh năm 1987 (Có mặt)

Địa chỉ: Số 61 ấp M, xã M, thành phố Th, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Chị Võ Thị Thanh T, sinh năm 1990

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

(Chị T có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Đoàn Hoàng Ph trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 2015, anh Ph và chị Võ Thị Thanh T quen biết và tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, thành phố Th, tỉnh Tiền Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 26-02-2016.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian sau vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày nên thường xuyên cãi nhau, anh chị đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Anh Ph và chị T đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2019 cho đến nay.

Về con chung: Anh Ph xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Ph xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Võ Thị Thanh T trình bày tại bản tự khai: Chị T thống nhất với anh Ph về hôn nhân cũng như về con chung không có; về tài sản chung và nợ chung không có là đúng. Nay anh Ph xin ly hôn, chị T cũng đồng ý ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: Chị T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị T có đơn xin vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghị án, Tòa án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Chị Võ Thị Thanh T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Đoàn Hoàng Ph và chị Võ Thị Thanh T chung sống với nhau vào năm 2015 trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã M, thành phố Th, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 26-02-2016, đây là hôn nhân hợp pháp.

[3] *Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Đoàn Hoàng Ph:* Vợ chồng anh Ph và chị T không còn thương yêu, quý trọng, quan tâm, chăm sóc và giúp đỡ nhau nữa, thể hiện qua lời trình bày của anh Ph tại Tòa án: Anh Ph và chị T có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày nên thường xuyên cãi nhau, anh Ph và chị T đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Tòa án xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh Ph và chị T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, chị T cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh Ph. Vì vậy, yêu cầu của anh Ph xin ly hôn với chị T là có căn cứ để chấp nhận.

[4] *Về con chung:* Anh Ph và chị T đều xác nhận anh chị không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung:* Anh Ph và chị T đều xác nhận anh chị không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí:* Anh Ph là nguyên đơn trong vụ án, do đó anh phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng theo quy định tại Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án và tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 147, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
 Áp dụng khoản 1 Điều 56 và Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban
 Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Đoàn Hoàng Ph và chị Võ Thị Thanh T.

2. Về con chung: Anh Đoàn Hoàng Ph và chị Võ Thị Thanh T không có con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh Đoàn Hoàng Ph và chị Võ Thị Thanh T không có tài sản chung và nợ chung.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Đoàn Hoàng Ph phải nộp 300.000 đồng nhưng anh Ph được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009723 ngày 07-10-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, anh Ph không phải nộp thêm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

5. Quyền kháng cáo: Anh Đoàn Hoàng Ph có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Võ Thị Thanh T vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA dân sự huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
 THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Thị Xuân

